

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG ĐIỆN 1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và các Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 5 năm 2021 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 8 544 270
- Fax : 0243 8 541 208

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Chinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Thái Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Cao Thúy Nga	Trưởng ban	Ngày 29 tháng 06 năm 2018
Ông Mai Hữu Thung	Thành viên	Ngày 29 tháng 06 năm 2018
Bà Nguyễn Hoàng Diệp	Thành viên	Ngày 29 tháng 06 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Chinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021
Ông Đặng Hoàng Cầm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2018
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2021
Ông Trần Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Nguyên Hùng (đến ngày 01 tháng 3 năm 2021) và Ông Nguyễn Hữu Chính (từ ngày 01 tháng 3 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mẹ và các Công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ và các Công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ và các Công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty mẹ và các Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0908/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ và các Công ty con liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ và các Công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty còn tồn tại các công trình dở dang nhiều năm. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng cần thiết để có thể xác định được tính chính xác của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm ngày 31/12/2021, số tiền là 310.801.194.883 VND cũng như giá vốn dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế công trình.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến từ chối về Báo cáo tài chính đó tại ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		747.599.474.236	877.358.900.828
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.573.163.990	27.181.348.481
1. Tiền	111		38.573.163.990	27.181.348.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		385.073.317.273	431.680.357.622
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	379.931.713.220	393.026.717.258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.434.214.619	20.562.097.098
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.200.032.081	2.270.799.421
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	21.523.543.675	26.304.615.165
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(36.016.186.322)	(10.483.871.320)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		323.009.660.733	417.758.838.498
1. Hàng tồn kho	141	V.6	323.009.660.733	417.758.838.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		943.332.240	738.356.227
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	925.817.715	728.293.879
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.770.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	17.514.525	8.292.297
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		680.679.674.507	724.886.331.006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		675.916.808.862	721.622.575.372
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	674.772.566.759	719.422.217.006
Nguyên giá	222		1.180.026.248.257	1.179.113.297.347
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(505.253.681.498)	(459.691.080.341)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.144.242.103	2.200.358.366
Nguyên giá	228		19.175.638.838	19.175.638.838
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.031.396.735)	(16.975.280.472)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.284.253.867	393.413.867
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.284.253.867	393.413.867
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.478.611.778	2.870.341.767
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.478.611.778	2.870.341.767
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.428.279.148.743	1.602.245.231.834

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.131.222.124.691	1.322.146.514.503
I. Nợ ngắn hạn	310		731.192.187.816	844.770.582.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	51.763.893.706	54.203.912.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	76.601.015.530	95.235.465.035
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	19.457.906.710	49.272.718.408
4. Phải trả người lao động	314		58.080.508.493	78.942.933.677
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	23.219.811.974	19.209.183.052
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	100.918.710.187	88.977.604.828
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	397.903.533.959	455.170.103.285
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.246.807.257	3.758.662.257
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		400.029.936.875	477.375.931.544
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	36.112.166.058	33.718.160.727
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	44.563.327.061	47.563.327.061
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	319.354.443.756	396.094.443.756
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		297.057.024.052	280.098.717.331
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	291.760.041.052	279.524.734.331
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.979.933.988	22.979.933.988
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.366.917.064	(10.868.389.657)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10.801.060.792)	(10.868.389.657)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.167.977.856	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.296.983.000	573.983.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	5.296.983.000	573.983.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.428.279.148.743	1.602.245.231.834

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng

Dương Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	644.280.413.720	631.827.266.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		644.280.413.720	631.827.266.633
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	493.822.070.700	501.023.763.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		150.458.343.020	130.803.502.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	126.376.398	149.024.848
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	60.294.794.561	79.539.325.038
Trong đó: chi phí lãi vay	23		57.597.202.176	79.400.653.105
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.277.448.238	1.791.378.721
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	65.939.323.275	37.549.197.711
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.073.153.344	12.072.626.298
12. Thu nhập khác	31	VI.7	94.809.563	1.194.349.770
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.748.579.037	5.056.609.788
14. Lợi nhuận khác	40		(2.653.769.474)	(3.862.260.018)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.419.383.870	8.210.366.280
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		8.184.077.149	7.026.737.965
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.235.306.721	1.183.628.315
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		12.235.306.721	1.183.628.315
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	458	44
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	458	44

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng

Dương Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.419.383.870	8.210.366.280
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		46.688.322.420	49.880.940.064
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	25.532.315.002	(2.501.631.966)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.607.749.404	(52.497.147)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.378.881)	(90.849.546)
- Chi phí lãi vay	06		57.597.202.176	79.400.653.105
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		152.827.593.991	134.846.980.790
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.662.525.767	(46.261.229.910)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		94.749.177.765	86.750.933.976
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(46.223.649.543)	(36.277.218.880)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		194.206.153	177.058.114
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(48.110.225.339)	(60.956.476.954)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(28.997.896.459)	(1.869.394.055)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	4.723.000.000	342.308.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(511.855.000)	(1.473.423.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		149.312.877.335	75.279.537.835
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(982.555.910)	(2.209.606.986)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		454.545	73.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.924.336	17.395.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(965.177.029)	(2.118.757.440)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	77.044.478.828	110.299.832.264
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(211.051.048.154)	(190.312.212.968)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.027.104.640)	(22.299.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(137.033.673.966)	(80.034.680.529)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.314.026.340	(6.873.900.134)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.181.348.481	33.995.077.764
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		77.789.169	60.170.851
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	38.573.163.990	27.181.348.481

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Quyền Kế toán trưởng

Dương Anh Tuấn

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam, do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán điện và tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện,... không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Công ty mẹ không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Số 1A Km2, đường Phùng Hưng, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	8/2 Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	503 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 713 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 747 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con thực hiện thanh toán.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty mẹ và các Công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty mẹ và các Công ty con chủ yếu là Công cụ dụng cụ, Phí sử dụng phần mềm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Phí sử dụng phần mềm

Phí sử dụng phần mềm thể hiện khoản tiền phí Công ty đã trả cho nhà cung cấp. Phí sử dụng phần mềm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được sử dụng (1-3 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-30
Máy móc và thiết bị	5-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10
Phần mềm quản lý	2-3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng Công ty Điện lực xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty mẹ và các Công ty con đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	935.815.483	5.965.677.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.637.348.507	21.215.670.938
Cộng	38.573.163.990	27.181.348.481

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	185.615.394.064	153.468.724.755
Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị trực thuộc	95.544.883.230	79.377.875.455
Công ty Truyền tải điện 1	2.119.995.067	4.879.999.728
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc	23.626.694.595	19.430.478.777
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Trung	13.764.720.294	11.409.916.588
Các bên liên quan khác	50.559.100.878	38.370.454.207
Phải thu các khách hàng khác	194.316.319.156	239.557.992.503
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	24.130.089.866	40.111.658.626
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển điện Nho Quế	10.280.920.765	11.780.920.765
Công ty TNHH Xuân Thiện - Hà Giang	6.062.403.754	6.062.403.754
Công ty CP Xây dựng & Lắp máy Trung Nam	5.277.944.152	7.913.944.152
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	3.560.612.262	10.892.667.514
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	6.738.328.068	7.624.407.816
Các khách hàng khác	138.266.020.289	155.171.989.876
Cộng	379.931.713.220	393.026.717.258

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	17.434.214.619	20.562.097.098
Công ty Cổ phần VINTEG	1.095.200.000	3.855.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hòa Bình	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Vĩnh Phát	677.350.000	677.350.000
Các nhà cung cấp khác	14.161.664.619	14.529.547.098
Cộng	17.434.214.619	20.562.097.098

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-		49.337.288	
Phải thu Công ty Mua bán Điện phí cấp quyền khai thác nước mặt và phí dịch vụ môi trường rừng nhà máy Sông Bung 5	-	-	49.337.288	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	21.523.543.675	-	26.255.277.877	-
Tạm ứng	12.993.215.552	-	12.454.680.201	-
Ký quỹ ký cược	97.640.458	-	62.601.818	-
Bảo hiểm xã hội	117.975.013	-	59.473.787	-
Vốn nghiên cứu khoa học	2.264.500.000	-	2.264.500.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.875.268.510	-
Tiền điện các nhà thầu thi công	-	-	2.652.547.761	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.050.212.652	-	5.886.205.800	-
Cộng	21.523.543.675		26.304.615.165	

5. Nợ xấu**Các khoản nợ quá hạn có khả năng thu hồi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	208.584.332.897	208.584.332.897	159.727.474.164	159.727.474.164
Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái	-	-	4.861.032.237	4.861.032.237
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	24.130.089.866	24.130.089.866	4.278.480.713	4.278.480.713
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	184.454.243.031	184.454.243.031	140.587.961.214	140.587.961.214
Trả trước cho người bán	7.423.540.460	7.423.540.460	7.423.540.460	7.423.540.460
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hòa Bình	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Các đối tượng khác	5.923.540.460	5.923.540.460	5.923.540.460	5.923.540.460
Phải thu khác	2.652.547.761	2.652.547.761	2.652.547.761	2.652.547.761
Tạm ứng	1.063.711.757	1.063.711.757	1.063.711.757	1.063.711.757
Cộng	219.724.132.875	219.724.132.875	170.867.274.142	170.867.274.142

Các khoản nợ quá hạn khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	44.385.548.561	35.912.647.322	45.009.095.892	10.380.332.320
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	10.280.920.765	9.812.614.152	11.701.660.164	-
Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang	6.062.403.754	6.062.403.754	5.853.735.326	-
Công Ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	4.705.511.731	4.705.511.731		-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	5.277.944.152	5.277.944.152	7.913.944.152	7.913.944.152

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Truyền tải điện Lộc Ninh	7.028.886.275	2.108.665.883	7.028.886.275	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Long Tạo Điện Biên	6.095.378.376	5.479.119.482	7.576.366.467	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.934.503.508	2.466.388.168	4.934.503.508	2.466.388.168
Trả trước cho người bán	7.196.311.020	40.000.000	7.196.311.020	40.000.000
Phải thu khác	5.699.020.693	63.539.000	5.699.020.693	63.539.000
Cộng	57.280.880.274	36.016.186.322	57.904.427.605	10.483.871.320

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.483.871.320	12.985.503.286
Trích lập dự phòng bổ sung	25.532.315.002	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.501.631.966)
Số cuối năm	36.016.186.322	10.483.871.320

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.788.264.564	1.927.969.103
Công cụ, dụng cụ	10.173.652.829	10.613.885.782
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	310.801.194.883	404.970.435.156
Hàng hóa	246.548.457	246.548.457
Cộng	323.009.660.733	417.758.838.498

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	321.734.170	366.866.070
Phí sử dụng phần mềm máy tính	358.034.400	149.834.900
Chi phí công cụ dụng cụ	86.294.545	-
Chi phí khác	159.754.600	211.592.909
Cộng	925.817.715	728.293.879

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí sử dụng phần mềm máy tính	98.441.000	183.124.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.957.550.551	2.624.760.098
Chi phí khác	422.620.227	62.457.669
Cộng	2.478.611.778	2.870.341.767

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	794.236.624.771	286.087.332.481	66.987.120.731	10.008.653.955	21.793.565.409	1.179.113.297.347
Mua trong năm	-	626.865.000	-	355.690.910	-	982.555.910
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.605.000)	-	-	-	(69.605.000)
Số cuối năm	794.236.624.771	286.644.592.481	66.987.120.731	10.364.344.865	21.793.565.409	1.180.026.248.257
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.458.800.661	35.194.745.142	27.441.947.804	8.211.693.728	134.659.000	83.441.846.335
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	207.110.070.237	180.540.659.379	58.519.236.926	8.924.326.615	4.596.787.184	459.691.080.341
Khấu hao trong năm	30.169.676.055	10.033.815.686	4.337.716.672	615.890.996	475.106.748	45.632.206.157
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.605.000)	-	-	-	(69.605.000)
Số cuối năm	237.279.746.292	190.504.870.065	62.856.953.598	9.540.217.611	5.071.893.932	505.253.681.498
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	587.126.554.534	105.546.673.102	8.467.883.805	1.084.327.340	17.196.778.225	719.422.217.006
Số cuối năm	556.956.878.479	96.139.722.416	4.130.167.133	824.127.254	16.721.671.477	674.772.566.759
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 661.432.511.170 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.443.177.942	17.732.460.896	19.175.638.838
Số cuối năm	1.443.177.942	17.732.460.896	19.175.638.838
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.071.147.000	15.904.133.472	16.975.280.472
Khấu hao trong năm	-	1.056.116.263	1.056.116.263
Số cuối năm	1.071.147.000	16.960.249.735	18.031.396.735
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	372.030.942	1.828.327.424	2.200.358.366
Số cuối năm	372.030.942	772.211.161	1.144.242.103
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	328.855.800	1.890.840.000	-	2.219.695.800
Phần mềm quản lý hợp đồng	328.855.800	-	-	328.855.800
Nâng cấp phần mềm lịch xe	-	90.160.000	-	90.160.000
Chi phí làm sổ đồ khu nhà làm việc công ty	-	1.800.680.000	-	1.800.680.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	64.558.067	-	-	64.558.067
Cộng	393.413.867	1.890.840.000	-	2.284.253.867

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Phải trả người bán****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.101.120.138	171.383.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	171.383.439	171.383.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.010.242.046	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	3.919.494.653	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	46.662.773.568	54.032.528.978
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Vĩnh Phát	1.264.126.449	4.921.529.744
Tractebel Engineering - COB	2.724.588.710	5.622.422.974
Các nhà cung cấp khác	42.674.058.409	43.488.576.260
Cộng	51.763.893.706	54.203.912.417

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	36.112.166.058	33.718.160.727
HydroChina Zhongnan Engineering Corporation	24.779.847.244	22.403.175.324
Các nhà cung cấp khác	11.332.318.814	11.314.985.403
Cộng	36.112.166.058	33.718.160.727

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	33.685.863.470	41.636.474.433
Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị trực thuộc	29.242.882.048	39.992.444.022
Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia	115.625.333	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	898.500.000	898.500.000
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1	1.857.996.983	-
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1	1.162.096.000	-
Công ty Truyền tải điện 1	17.073.500	17.073.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	-	31.114.907
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	-	305.652.398
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	291.970.524	291.970.524
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải phòng	99.719.082	99.719.082
Trả trước của các khách hàng khác	42.915.152.060	53.598.990.602
Công ty TNHH Hà Thành	7.942.730.000	7.942.730.000
PowerChina Zhongnan Engineering Corporation Limited	4.517.541.901	4.513.575.575
Các khách hàng khác	30.454.880.159	41.142.685.027
Cộng	76.601.015.530	95.235.465.035

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.781.562.778	-	54.953.456.165	(54.439.352.103)	14.295.666.840	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.360.497.186	8.292.297	8.623.697.238	(28.997.896.459)	978.005.668	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.487.161.508	-	3.461.016.873	(6.280.918.622)	1.684.774.284	17.514.525
Thuế tài nguyên	5.603.596.394	-	18.397.974.634	(22.345.977.953)	1.655.593.075	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.652.805.273	(1.526.543.449)	126.261.824	-
Các loại thuế khác	680.718.762	-	83.829.467	(686.292.362)	78.255.867	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.359.181.780	-	11.652.912.532	(14.372.745.160)	639.349.152	-
Cộng	49.272.718.408	8.292.297	98.825.692.182	(128.649.726.108)	19.457.906.710	17.514.525

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.720,65 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng, từ ngày 20/03/2019 là 1864,44 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Tiền thuê đất

Công ty được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích 2.390.076,2 m² đất đang sử dụng tại xã Mà Coih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất do dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp tiền sử dụng đất cho các khu đất đang sử dụng với các mức như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- Phần diện tích 614.004 m ²	52,5 VND/m ²
- Phần diện tích 1.581.570 m ²	70 VND/m ²
- Phần diện tích 203.400 m ²	122,5 VND/m ²
- Phần diện tích 8.014,5 m ²	133.700 VND/m ²
- Phần diện tích 989,9 m ²	69.962 VND/m ²
- Phần diện tích 9.003,4 m ²	625 VND/m ²

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 VND/KWh x Sản lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.914.445.810	861.240.381
Trích trước chi phí các công trình	16.250.136.850	11.934.159.190
Trích trước chi phí Xây dựng cơ bản Nhà Máy Sông Bung 5	954.471.245	954.471.245
Trích trước tiền thi công công trình Xekaman 4	3.312.101.779	3.410.685.581
Chi phí đồng phục	145.000.000	666.274.000
Chi phí ăn ca	367.776.000	374.896.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	275.880.290	1.007.456.655
Cộng	23.219.811.974	19.209.183.052

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	15.571.137.368	12.917.103.715
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Lãi cổ tức phải trả	15.571.137.368	12.917.103.715
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	85.347.572.819	76.060.501.113
Kinh phí công đoàn	1.859.819.413	1.967.000.543
Bảo hiểm xã hội	-	425.098.286
Bảo hiểm y tế	-	20.930.643
Bảo hiểm thất nghiệp	-	9.302.508
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.000.000	30.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.339.278.365	2.366.383.005
Vốn nghiên cứu khoa học	158.808.000	158.808.000
Phải trả lãi vay (cán bộ CNV)	29.348.247.489	23.568.509.734
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	51.561.419.552	47.514.468.394
Cộng	100.918.710.187	88.977.604.828

16b. Phải trả dài hạn khác

Là cổ tức phải trả cho Tập đoàn Điện lực ("EVN") các năm 2008, 2012, 2014 và 2015. Theo Thỏa thuận ngày 17/12/2019 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty, hai bên thống nhất phương án thanh toán như sau:

- Tiến độ thanh toán nợ gốc và lãi: Trả nợ gốc mỗi năm một lần trong vòng 4 năm kể từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2022; Trả lãi định kỳ 06 tháng;
- Lãi suất: Lãi suất tiền gửi bình quân 12 tháng trả sau của 4 Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam);
- Thời hạn tính lãi: Đối với các khoản cổ tức 2008, 2012, 2014 có tổng giá trị là 32.333.888.711 đồng: Tính lãi từ ngày 30/09/2016; Đối với khoản cổ tức năm 2015 có giá trị 12.229.438.350 đồng: Tính lãi từ ngày 30/06/2016.

Tại thời điểm 31/12/2021, nợ gốc và lãi phải trả EVN đã đến hạn trả và phải trả trong 12 tháng tới theo thỏa thuận tương ứng là 44.563.327.061 đồng và 15.571.137.368 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1.806.450.000	7.932.265.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ⁽ⁱ⁾	1.806.450.000	7.932.265.000
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	396.097.083.959	447.237.838.285
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽ⁱⁱ⁾	3.069.576.000	27.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây	1.691.578.918	3.692.669.713
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	135.862.206.173	148.225.093.159
Ông Lê Phi Long	64.400.000.000	64.400.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	71.462.206.173	83.825.093.159
Vay lương ^(iv)	211.733.722.868	217.765.075.413
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	43.740.000.000	50.055.000.000
Cộng	397.903.533.959	455.170.103.285

(i) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực Hợp theo hợp đồng số 25/2021/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 28/06/2021, hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch SXKD năm 2021-2022; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng; lãi suất được xác định theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay; khoản vay không có tài sản đảm bảo; Bên vay cam kết dùng toàn bộ tài sản, nguồn thu hợp pháp khác của mình để đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ;

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng ngày 01/10/2021, hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(iii) Các khoản vay cán bộ công nhân viên trong Công ty, có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận, không tài sản đảm bảo.

(iv) Các khoản vay lương Cán bộ công nhân viên trong Công ty không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.192.669.713	14.096.471.583	-	(40.527.986.378)	4.761.154.918
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	7.932.265.000	5.700.000.000	-	(11.825.815.000)	1.806.450.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	148.225.093.159	-	-	(12.362.886.986)	135.862.206.173
Vay lương người lao động	217.765.075.413	57.248.007.245	-	(63.279.359.790)	211.733.722.868
Vay dài hạn đến hạn trả	50.055.000.000	-	76.740.000.000	(83.055.000.000)	43.740.000.000
Cộng	455.170.103.285	77.044.478.828	76.740.000.000	(211.051.048.154)	397.903.533.959

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17b. Vay dài hạn**

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009, hạn mức tín dụng: 900.000.000.000 đồng; để đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5; thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất theo từng thời kỳ; khoản vay được đảm bảo bằng giá trị thiết bị của dự án Thủy điện Sông Bung 5 đã hình thành và đưa vào sử dụng theo Hợp đồng Thế chấp động sản và Quyền tài sản số 02/2009/SB5-HĐTCĐS ngày 14/08/2009.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	43.740.000.000	50.055.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	319.354.443.756	396.094.443.756
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>363.094.443.756</u>	<u>446.149.443.756</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	396.094.443.756	517.889.443.756
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(71.740.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(76.740.000.000)	(50.055.000.000)
Số cuối năm	<u>319.354.443.756</u>	<u>396.094.443.756</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.721.154.401	-	(9.000.000)	1.712.154.401
Quỹ phúc lợi	2.037.507.856	-	(502.855.000)	1.534.652.856
Cộng	<u>3.758.662.257</u>	<u>-</u>	<u>(511.855.000)</u>	<u>3.246.807.257</u>

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	266.913.190.000	500.000.000	22.979.933.988	(12.052.017.972)	278.341.106.016
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.183.628.315	1.183.628.315
Số dư cuối năm trước	<u>266.913.190.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>22.979.933.988</u>	<u>(10.868.389.657)</u>	<u>279.524.734.331</u>
Số dư đầu năm nay	266.913.190.000	500.000.000	22.979.933.988	(10.868.389.657)	279.524.734.331
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	12.235.306.721	12.235.306.721
Số dư cuối năm nay	<u>266.913.190.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>22.979.933.988</u>	<u>1.366.917.064</u>	<u>291.760.041.052</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	145.042.270.000	145.042.270.000
Ông Lê Minh Hà	37.908.250.000	37.908.250.000
Cổ đông khác	83.962.670.000	83.962.670.000
Cộng	266.913.190.000	266.913.190.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.691.319	26.691.319

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	573.983.000	1.268.983.000
Nguồn kinh phí được cấp	4.723.000.000	342.308.000
Chi sự nghiệp	-	(1.037.308.000)
Số cuối năm	5.296.983.000	573.983.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 774.302,72 USD (số đầu năm là 250.012,73 USD).

21b. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các hợp đồng thuê đất ngắn/dài hạn, trả tiền hàng năm, bao gồm:

Địa điểm	Mục đích thuê	Thời gian thuê	Diện tích
Km9+200 đường Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội	Làm Trụ sở Công ty	Hàng năm	9.003,4 m ²
Xã Mả Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	Xây Nhà máy Thủy điện	Đến tháng 8/2059	1.270.421 m ²
Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Xây Nhà máy Thủy điện	Đến tháng 8/2059	925.153 m ²

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	197.574.242.191	178.510.583.828
Doanh thu tư vấn khảo sát, thiết kế công trình điện	445.179.626.075	452.274.000.989
Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng)	1.526.545.454	1.042.681.816
Cộng	644.280.413.720	631.827.266.633

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	1.455.440.909
Công ty Mua bán điện	197.574.242.191	178.510.583.828
Ban Quản lý Truyền tải điện	19.849.767.170	1.419.541.449
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2	870.940.000	10.940.722.910
Ban Quản lý dự án Điện 1	44.556.605.529	25.331.167.892
Ban Quản lý dự án Điện 2	23.734.407.012	40.777.000.516
Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung	24.906.003.313	12.460.525.264
Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc	53.015.820.244	74.152.035.209
Ban Quản lý dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	6.673.788.182	-
Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà nội- Tổng công ty điện lực TP Hà nội	6.804.957.463	961.183.784
Công ty Thủy điện Sơn La	20.785.166.133	25.898.126.828
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.734.753.017	5.440.905.553
Công ty Cổ phần Thủy điện Italy	5.060.024.124	1.417.955.214
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	12.482.912.884	18.421.874.885
Các bên liên quan khác	42.676.451.120	43.438.336.633

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	84.792.523.610	91.782.258.976
Giá vốn tư vấn khảo sát, thiết kế công trình điện	408.774.799.090	409.083.656.737
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp (cho thuê văn phòng)	254.748.000	157.848.000
Cộng	493.822.070.700	501.023.763.713

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	16.924.336	17.395.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	109.452.062	79.132.701
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	52.497.147
Cộng	126.376.398	149.024.848

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	57.597.202.176	79.400.653.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	89.842.981	138.671.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.607.749.404	-
Cộng	60.294.794.561	79.539.325.038

5. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi bằng tiền khác

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.430.200.868	23.654.646.889
Chi phí vật liệu quản lý	612.473.200	1.588.764.854
Chi phí đồ dùng văn phòng	907.687.513	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	672.087.798	960.792.268
Thuế, phí và lệ phí	1.940.289.625	1.898.076.739
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	25.532.315.002	(2.501.631.966)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.309.381.162	6.007.816.145
Các chi phí khác	7.534.888.107	5.940.732.782
Cộng	65.939.323.275	37.549.197.711

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	454.545	73.454.546
Xử lý các khoản nợ phải trả	-	975.357.560
Thu nhập từ cho thuê diện tích đất trạm thu phát sóng	84.000.000	84.000.000
Thu nhập khác	10.355.018	61.537.664
Cộng	94.809.563	1.194.349.770

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý các khoản nợ phải thu	-	475.806.385
Các khoản bị phạt	2.135.130.192	4.334.003.626
Chi phí khác	613.448.845	246.799.777
Cộng	2.748.579.037	5.056.609.788

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.235.306.721	1.183.628.315
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.235.306.721	1.183.628.315
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	26.691.319	26.691.319
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	458	44

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.132.076.423	32.275.736.226
Chi phí nhân công	172.618.305.533	172.977.411.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.795.702.862	49.880.940.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.652.887.252	68.727.058.459
Chi phí khác	159.514.735.318	129.560.681.113
Cộng	480.713.707.388	453.421.827.088

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty mẹ và các Công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Nguyễn Anh Tài - Chủ tịch HĐQT	-	42.120.000	42.120.000
Ông Phạm Nguyên Hùng - Thành viên HĐQT (đến ngày 29/04/2021) kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 01/03/2021)	67.600.000	-	67.600.000
Ông Trần Thái Hải - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 18/09/2021	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn - Thành viên HĐQT	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Đức Thành - Thành viên HĐQT độc lập	-	35.880.000	35.880.000
Ông Nguyễn Hữu Chính - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc kiêm (Từ ngày 29/04/2021)	397.800.000	-	397.800.000
Ông Đặng Hoàng Cầm - Phó Tổng Giám đốc	358.800.000	-	358.800.000
Ông Nguyễn Kim Cương - Phó Tổng giám đốc từ ngày 18/09/2021	89.700.000	-	89.700.000
Ông Lê Minh Tuấn - Phó Tổng Giám Đốc đến ngày 01/07/2021	179.400.000	-	179.400.000
Bà Cao Thúy Nga - Trưởng ban kiểm soát	370.500.000	-	370.500.000
Ông Mai Hữu Thung - Thành viên ban kiểm soát	-	38.000.000	38.000.000
Bà Nguyễn Hoàng Diệp - Thành viên ban kiểm soát	-	38.000.000	38.000.000
Cộng	2.181.400.000	154.000.000	2.335.400.000

Năm trước

Ông Phạm Nguyên Hùng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	189.540.000		189.540.000
Ông Trần Thái Hải - Thành viên HĐQT	161.460.000		161.460.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn - Thành viên HĐQT	161.460.000		161.460.000
Ông Nguyễn Đức Thành - Thành viên HĐQT độc lập		32.292.000	32.292.000
Ông Nguyễn Hữu Chính - Phó Tổng Giám đốc	161.460.000		161.460.000
Ông Đặng Hoàng Cầm - Phó Tổng Giám đốc	161.460.000		161.460.000
Ông Lê Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc	161.460.000		161.460.000
Bà Cao Thúy Nga - Trưởng ban kiểm soát	144.000.000		144.000.000
Ông Mai Hữu Thung - Thành viên ban kiểm soát		28.800.000	28.800.000
Bà Nguyễn Hoàng Diệp - Thành viên ban kiểm soát		28.800.000	28.800.000
Cộng	1.140.840.000	89.892.000	1.230.732.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và các Công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ (EVN)
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện miền Bắc	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện miền Trung	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án các công trình Điện miền Nam	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý dự án Điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	Cùng tập đoàn EVN
Ban quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội - Tổng Công	Cùng tập đoàn EVN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

ty Điện lực TP Hà Nội
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2
Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sơn La
Công ty Mua bán điện
Công ty Thủy điện Huội Quảng Bản Chát
Công ty Thủy điện Italy
Công ty Thủy điện Sơn La
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
Các Công ty và Ban Quản lý khác
Ông Lê Minh Hà

Mối quan hệ

Cùng tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.10, V.11, V.14 và V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ và các Công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thủy điện.
- Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	197.574.242.191	445.179.626.075	1.526.545.454	644.280.413.720
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.574.242.191	445.179.626.075	1.526.545.454	644.280.413.720
Kết quả kinh doanh theo bộ	112.781.718.581	36.404.826.985	1.271.797.454	150.458.343.020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Lĩnh vực khác	Cộng
phần				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(67.216.771.513)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				83.241.571.507
Doanh thu hoạt động tài chính				126.376.398
Chi phí tài chính				(60.294.794.561)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-
Thu nhập khác				94.809.563
Chi phí khác				(2.748.579.037)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.184.077.149)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				12.235.306.721
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.873.395.910		2.873.395.910
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.598.129.936	4.069.228.331		45.667.358.267
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	178.510.583.828	452.274.000.989	1.042.681.816	631.827.266.633
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-		-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.510.583.828	452.274.000.989	1.042.681.816	631.827.266.633
Kết quả kinh doanh theo bộ phần	86.728.324.852	43.190.344.252	884.833.816	130.803.502.920
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(39.340.576.432)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				91.462.926.488
Doanh thu hoạt động tài chính				149.024.848
Chi phí tài chính				(79.539.325.038)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Thu nhập khác				1.194.349.770
Chi phí khác				(5.056.609.788)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7.026.737.965)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.183.628.315
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.807.317.611		1.807.317.611
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.598.129.936	8.282.810.128		49.880.940.064
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	684.090.531.083	714.462.053.741		1.398.552.584.824
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				29.726.563.919
Tổng tài sản				1.428.279.148.743
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	393.712.372.176	133.859.146.874		527.571.519.050
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				603.650.605.641
Tổng nợ phải trả				1.131.222.124.691
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	738.524.874.232	812.244.995.628		1.550.769.869.860
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				51.475.361.974
Tổng tài sản				1.602.245.231.834
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	475.436.870.980	153.870.110.955		629.306.981.935
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				692.839.532.568
Tổng nợ phải trả				1.322.146.514.503

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2-C.T.T.N. II
HÀN
VĂN
HÀ NỘI ★